SBD	TT	Họ đệm	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ ĐT	Hệ ĐT	Chuyên ngành đào tạo	Trường ĐT	Ngày, tháng, năm cấp bằng	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm UT	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
000783	3	Tăng Thị	Vân	Nữ	20/03/1997	Chu Điện, Lục Nam	ĐH	CQ	SP Tiếng anh THCS	ĐH SP Hà Nội 2	22/05/2019	Khá	3.08			66	66.0	Trúng tuyển	
Giáo viên Toán: chỉ tiêu 02, trúng tuyển 02																			
001023	1	Diệp Thị	Thu	Nữ	20/10/1994	TT Chũ, Lục Ngạn	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội	17/07/2017	Khá	2.58	DTTS	5	64	69.0	Trúng tuyển	
000957	2	Lý Thị	Huyền	Nữ	15/02/1994	Kiên Lao, Lục Ngạn	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội	17/07/2017	TB	2.27	DTTS	5	60	65.0	Trúng tuyển	
XI. SỞ GIÁO DỤC VÀO ĐÀO TẠO																			
I.	**Giáo viên Ngữ văn: chỉ tiêu 09, trúng tuyển 09**																		
001157	1	Hoàng Thị	Hương	Nữ	10/10/1998	Yên Định, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ Văn	ĐHSP Hà Nội	29/06/2020	Giỏi	3.47	DTTS	5	94	99.0	Trúng tuyển	
001131	2	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	22/09/1995	Nham Biền, Yên Dũng, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Hà Nội	18/05/2017	Khá	3.08			88	88.0	Trúng tuyển	
001164	3	Hoàng Thị	Loan	Nữ	24/05/1988	An Hà, Lạng Giang	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP TP Hồ Chí Minh	06/07/2012	TBK	6.90			88	88.0	Trúng tuyển	
001172	4	Trịnh Thị	Sinh	Nữ	17/09/1992	Ninh Sơn, Việt Yên, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Hà Nội 2	18/06/2014	Khá	3.07			88	88.0	Trúng tuyển	
001167	5	Kiều Thị	Nhung	Nữ	11/03/1984	TT.Thắng, Hiệp Hòa, BG	Thạc sỹ	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Thái Nguyên	16/06/2008	TBK	6.77			87	87.0	Trúng tuyển	
001140	6	Lý Thùy	Dương	Nữ	26/02/1998	Đồng Hưu, Yên Thế, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Giỏi	3.29	DTTS	5	81	86.0	Trúng tuyển	
001148	7	Dương Thị Thúy	Hằng	Nữ	24/08/1991	Quý Sơn, Lục Ngạn, BG	Thạc sỹ	CQ	SP Ngữ Văn	ĐHSP TN	01/09/2015	Khá	2.51	DTTS	5	80	85.0	Trúng tuyển	
001179	8	Cao Thị Kim	Yến	Nữ	06/06/1994	Tam Dị, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Hà Nội	18/05/2017	Khá	3.03			84	84.0	Trúng tuyển	
001156	9	Lãnh Thị	Huyền	Nữ	13/06/1999	Cẩm Đàn, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP Ngữ văn	ĐHSP Hà Nội 2	18/06/2021	Khá	3.18			83	83.0	Trúng tuyển	
II.	**Giáo viên Tiếng Anh: chỉ tiêu 08, trúng tuyển 07**																		
001185	1	Nguyễn Đức	Trung	Nam	23/11/1998	Hoàng Văn Thụ, TP Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	ĐHNN-ĐHQG Hà Nội	06/07/2020	Giỏi	3.54			89	89.0	Trúng tuyển	
001182	2	Lê Thị	Soan	Nữ	27/07/1998	Đức Giang, Yên Dũng, BG	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Giỏi	3.40			89	89.0	Trúng tuyển	
001181	3	Phùn Thị	Mai	Nữ	19/11/1998	Yên Định, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP tiếng Anh	ĐHSP TN	22/02/2021	Khá	2.92	DTTS	5	75	80.0	Trúng tuyển	
001183	4	Đặng Thị	Tuyền	Nữ	02/04/1989	Trù Hựu, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	Tiếng Anh	ĐH Mở Hà Nội	30/07/2012	Khá	7.14			75	75.0	Trúng tuyển	
001180	5	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/08/1997	Nghĩa Hưng, Lạng Giang, BG	ĐH	CQ	SP tiếng Anh	ĐHSP Hà Nội	24/09/2020	Giỏi	3.4			74	74.0	Trúng tuyển	
001184	6	Nguyễn Thị Hồng	Thanh	Nữ	25/06/1998	An Bá, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Tiếng Anh	ĐHSP Thái Nguyên	08/07/2020	Khá	3.08			66	66.0	Trúng tuyển	
001186	7	Tăng Thị	Vân	Nữ	18/05/1994	Yên Sơn, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP tiếng Anh	ĐHSP TN	08/08/2016	Khá	2.63			56	56.0	Trúng tuyển	
III.	**Giáo viên Toán: chỉ tiêu 07, trúng tuyển 07 (Trong đó 02 tuyển theo NĐ 140)**																		
	1	Dương Thị Việt	Hà	Nữ	14/03/1999	Đa Mai, TP.Bắc Giang	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	XS	3.76				**NĐ 140**	Trúng tuyển	
	2	Trịnh Thị	Châm	Nữ	27/08/1999	Cương Sơn, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	Toán học	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	XS	3.68				**NĐ 140**	Trúng tuyển	
001280	3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	21/12/1999	Ngọc Vân, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	SP Toán học	ĐHSP Thái Nguyên	01/07/2021	Khá	3.01			88	88.0	Trúng tuyển	

SBD	TT	Họ đệm	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ ĐT	Hệ ĐT	Chuyên ngành đào tạo	Trường ĐT	Ngày, tháng, năm cấp bằng	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm UT	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
001278	4	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	28/12/1998	Mai Trung, Hiệp Hòa, BG	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội 2	04/06/2021	Giỏi	3.49			88	88.0	Trúng tuyển	
001267	5	Vũ Hương	Ly	Nữ	17/03/1999	Lệ Viễn, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Giỏi	3.21	DTTS	5	81	86.0	Trúng tuyển	
001285	6	Hoàng Thu	Trang	Nữ	28/07/1997	TT.An Châu, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP Toán	ĐHSP Hà Nội	29/06/2020	Khá	3.06	DTTS	5	78	83.0	Trúng tuyển	
001273	7	Nguyễn Thị	Phước	Nữ	04/04/1999	Thanh Lâm, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP Toán học	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Khá	3.13			81	81.0	Trúng tuyển	
IV.	**Giáo viên Lịch sử: chỉ tiêu 03, trúng tuyển 03**																		
001197	1	Hoàng Thị	Quyên	Nữ	21/04/1992	Vĩnh An, Sơn Động, BG	ĐH	CQ	SP Lịch sử	ĐHSP Thái Nguyên	02/06/2014	Khá	2.72	DTTS	5	84	89.0	Trúng tuyển	
001196	2	Trần Thị	Phượng	Nữ	03/01/1992	TT Chũ, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	SP Lịch Sử	ĐHSP TN	02/06/2014	Giỏi	3.31			89	89.0	Trúng tuyển	
001199	3	Bế Dạ	Thảo	Nữ	10/01/1995	An Châu, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Lịch sử	ĐHSP Hà Nội 2	22/05/2017	Khá	2.99	DTTS	5	80	85.0	Trúng tuyển	
V.	**Giáo viên Vật lý: chỉ tiêu 03, trúng tuyển 03**																		
001202	1	Đào Vân	Anh	Nữ	29/04/1998	Cao Thượng, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	SP Vật lý	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Khá	2.99			89	89.0	Trúng tuyển	
001215	2	Hoàng Thị	Vinh	Nữ	20/03/1998	Tiên Lục, Lạng Giang, BG	ĐH	CQ	SP Vật lý	ĐHSP Hà Nội	24/09/2020	Khá	3.06			85	85.0	Trúng tuyển	
001208	3	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	26/03/1996	Khám Lạng, Lục Nam	ĐH	CQ	SP Vật lý	ĐHSP TN	08/06/2018	Khá	2.73			78	78.0	Trúng tuyển	
VI.	**Giáo viên Thể dục-GDQP: chỉ tiêu 05, trúng tuyển 05**																		
001244	1	Vi Thị	Yến	Nữ	10/06/1998	Phong Vân, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	GDQP&AN	ĐH SP Hà Nội	29/06/2020	Giỏi	3.25			82	82.0	Trúng tuyển	
001245	2	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	08/04/1998	Danh Thắng, Hiệp Hòa	ĐH	CQ	GDQP-AN	ĐHSP Hà Nội	24/09/2020	Khá	2.99			79	79.0	Trúng tuyển	
001233	3	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	08/11/1997	Trù Hựu, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	GDQP-AN	ĐHSP Hà Nội	21/05/2019	Giỏi	3.29			79	79.0	Trúng tuyển	
001238	4	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	21/12/1998	Hoàng Ninh, Việt Yên, BG	ĐH	CQ	GDQP&AN	ĐH SP Hà Nội	29/06/2020	Giỏi	3.36			77	77.0	Trúng tuyển	
001239	5	Trần Thị	Thảo	Nữ	15/08/1997	Quý Sơn, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	GDQP-AN	ĐH Trần Quốc Tuấn	08/07/2020	Khá	7.3	DTTS	5	70	75.0	Trúng tuyển	
VII.	**Giáo viên Hóa học: chỉ tiêu 06, trúng tuyển 06**																		
001315	1	Giáp Thị	Nhung	Nữ	09/06/1998	Việt Lập, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Hà Nội	29/06/2020	XS	3.71			87.00	87.0	Trúng tuyển	
001334	2	Nguyễn Thị	Xuân	Nữ	01/10/1997	Đông Lỗ, Hiệp Hòa, BG	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Hà Nội 2	22/05/2019	Giỏi	3.4			87.00	87.0	Trúng tuyển	
001312	3	Phạm Thị Hương	Mai	Nữ	17/08/1996	Cương Sơn, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Hà Nội 2	22/05/2019	Khá	3.10			84.00	84.0	Trúng tuyển	
001302	4	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	29/04/1996	Đan Hội, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Thái Nguyên	08/06/2018	Giỏi	3.34			83.00	83.0	Trúng tuyển	
001300	5	Ngô Thu	Hiền	Nữ	06/09/1997	TT Cao Thượng, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Hà Nội	21/05/2019	Giỏi	3.24			82.00	82.0	Trúng tuyển	
001317	6	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	20/01/1996	Khám Lạng, Lục Nam	ĐH	CQ	SP Hóa học	ĐHSP Thái Nguyên	08/06/2018	Khá	3.00			80.00	80.0	Trúng tuyển	
VIII.	**Giáo viên Địa lý: chỉ tiêu 04, trúng tuyển 04**																		
001355	1	Nguyễn Trần	Y Zit	Nữ	04/12/1994	An Bá, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Địa lý	ĐHSP Thái Nguyên	12/09/2016	Khá	2.62	DTTS	5	85	90.0	Trúng tuyển	

SBD	TT	Họ đệm	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ ĐT	Hệ ĐT	Chuyên ngành đào tạo	Trường ĐT	Ngày, tháng, năm cấp bằng	Xếp loại TN	Điểm TBTK	Diện Ưu tiên	Điểm ƯT	Điểm sát hạch	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
001346	2	Nguyễn Thị	Như	Nữ	10/11/1997	Nam Dương, Lục Ngạn, BG	ĐH	CQ	SP Địa lý	ĐHSP Hà Nội	21/05/2019	Giỏi	3.23			84	84.0	Trúng tuyển	
001340	3	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	02/06/1998	An Lạc, Sơn Động	ĐH	CQ	SP Địa lý	ĐHSP Hà Nội	21/05/2021	Giỏi	3.32	DTTS	5	78	83.0	Trúng tuyển	
001337	4	Vũ Thị	Chi	Nữ	10/01/1998	Đan Hội, Lục Nam, BG	ĐH	CQ	SP Địa lý	ĐHSP TN	08/07/2020	Khá	2.74			83	83.0	Trúng tuyển	
IX.	**Giáo viên Tiếng Pháp: chỉ tiêu 01, trúng tuyển : 01**																		
001356	1	Dương Thị	Hằng	Nữ	17/07/1987	Nhã Nam, Tân Yên, BG	ĐH	CQ	SP Tiếng Pháp	ĐHSP Hà Nội	09/06/2009	Khá	7.47			77	77.0	Trúng tuyển	
X.	**Giáo viên Tiếng Nhật: chỉ tiêu 01, trúng tuyển 01**																		
001358	1	Trần Phương	Ly	Nữ	04/10/1999	Quang Châu, Việt Yên, BG	ĐH	CQ	SP tiếng Nhật	ĐHNN-ĐHQG HN	Nợ bằng	Giỏi	3.46			92	92.0	Trúng tuyển	
		Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao Du lịch, Chỉ tiêu 01, trúng tuyển 01																	
	1	Tống Văn	Huế	Nam	01/01/1991	Thái Đào,Lạng Giang, Bắc Giang	ĐH	CQ	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống/sáo trúc	ĐH VH Nghệ Thuật Quân Đội			9.24				147,12	Trúng tuyển	